TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-11-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đỉnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Truyền
2. Ông Nguyễn Văn Vũ

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 310/2019/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 07/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Thị Kim L, sinh năm 1967
Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện M, tỉnh B (vắng mặt).
- Bị đơn: Trần Văn M, sinh năm 1964
Địa chỉ: ấp G, xã H, huyện M, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2019 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim L trình bày: Vào tháng 9/1993 bà và ông Trần Văn M tổ chức lễ cưới và sống chung như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong suốt thời gian dài chung sống không có gì xảy ra, vợ chồng cùng làm ăn nuôi con nhưng đến năm 2015 ông M thường hay nhậu nhẹt, kiếm chuyện chửi mắng và đôi khi còn đánh bà. Năm 2017 bà có nộp đơn xin ly hôn với ông M nhưng do các con khuyên bà và cũng để ông Mcó cơ hội sửa đổi nhưng trong khoảng thời gian này ông M không sửa đổi nên bà và ông M ly thân từ tháng 7/2017 đến nay. Nhận thấy cách sống của bà và ông M rất khác nhau không thể hòa hợp được nên bà xin được ly hôn với ông Trần Văn M. Về con chung: Trần Thị Kim Q, sinh năm 1995 và Trần Hữu P, sinh năm 2001, cả hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản khi ly hôn: Bà L trình bày tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn ông Trần Văn M vắng mặt vào những lần Tòa án mời nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn ông Trần Văn M hiện đang sinh sống tại xã H, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Kim L đối với ông Trần Văn M, thấy rằng: Về hôn nhân: bà Trần Thị Kim L và ông Trần Văn M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (theo lời trình bày của bà Trần Thị Kim L và Đơn xin xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H Đơn xin xác nhận của Ủy ban nhân xã H cùng ngày 19/8/2019). Khi có mâu thuẫn bà L có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhưng vì muốn cho ông M cơ hội sửa đổi nên bà đã rút đơn vào năm 2017 nhưng vợ chồng vẫn sống ly thân từ đó cho đến nay, nay bà L tiếp tục xin ly hôn với ông Trần Văn M chứng tỏ mâu thuẫn hôn nhân của bà và ông ốn là đã trầm trọng, ông M được Tòa án mời đến để hòa giải hàn gắn đoàn tụ đồng thời động viên ông và bà L đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông M vẫn không đến điều đó chứng tỏ ông M không muốn đoàn tụ cùng bà L. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Kim L và ông Trần Văn M là có cơ cở. Về con chung: Trần Thị Kim Q, sinh năm 1995 và Trần Hữu P, sinh năm 2001, cả hai con đã trưởng thành nên không đề cập. Về chia tài sản khi ly hôn: Bà L trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên Tòa án không đề cập. Trường hợp ông Trần Văn M có tranh chấp về chia tài sản của ông và bà L thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật ở vụ án khác khi ông M có yêu cầu.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Trần Thị Kim L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim L.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Kim L và ông Trần Văn M.

[2] *Về con chung*: Trần Thị Kim Q, sinh năm 1995 và Trần Hữu P, sinh năm 2001, cả hai con đã trưởng thành nên không đề cập.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Bà Trần Thị Kim L trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà Trần Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005439 ngày 19/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] *Về quyền kháng cáo:*Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu:Hồ sơ, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đỉnh